

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Truyền
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã C, huyện L, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2020 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày: Do quen biết chị và anh Huỳnh Văn L tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm đầu rồi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị xin ly hôn với anh Huỳnh Văn L do anh không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con và không chung thủy với chị, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh L không thay đổi, vợ chồng sống ly thân đã hơn 01 năm nay, không có gặp gỡ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xin ly hôn với anh Huỳnh Văn L vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Văn N, sinh ngày 05/4/2013 và Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 12/11/2014, hiện hai con đang sống với chị T, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Vì bận đi làm xa nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn L trình bày:

Về điều kiện thành hôn và quá trình đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn rất thương vợ, con. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng cũng nhiều lần cãi vã nhau nguyên nhân là anh ham chơi nhưng vẫn quan tâm chăm sóc vợ con, anh xin thời gian một tháng để hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng vì các con, con chung tên Huỳnh Văn N, sinh ngày 05/4/2013 và Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 12/11/2014, hiện hai con đang sống chung với chị T (sống từ lúc vợ chồng ly thân nhau đến nay). Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung tên Huỳnh Văn N, sinh ngày 05/4/2013, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý để con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 12/11/2014 cho chị T nuôi. Nếu Tòa án giải quyết để T nuôi cả hai người con thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Về chia tài sản khi ly hôn: Anh Huỳnh Văn L trình bày tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể vắng mặt vào lần Tòa án mời; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 52, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T; Về con chung: chị Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp nuôi hai con chung tên Huỳnh Văn N, sinh ngày 05/4/2013 và Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 12/11/2014, hiện hai cháu đang sống chung với chị T, anh Huỳnh Văn L đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Huỳnh Văn L thống nhất tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn anh Huỳnh Văn L có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T đối với anh Huỳnh Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Huỳnh Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng do anh L không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con và không chung thủy với chị, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh L không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân đã hơn 01 năm nay, không có gặp gỡ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Huỳnh Văn L. Phía anh L thì cho rằng vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng cũng nhiều lần cãi vã nhau nguyên nhân là anh ham chơi, mặc dù ham chơi nhưng vẫn quan tâm chăm sóc vợ con chứ không phải như chị T trình bày, anh xin thời gian một tháng để hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng. Mặc dù xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng là phải có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc và sống chung với nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau hơn 01 năm nay nhưng không có bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân anh L cũng xin thời gian một tháng để hàn gắn nhưng khi Tòa án tạo điều kiện để anh và chị T hàn gắn tình cảm thì anh L lại không đến xem như anh L đã từ chối cơ hội hàn gắn với chị T. Trong khoảng thời gian này anh L cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm với chị T, về phía chị T thì vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh L. Từ những lập luận trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị đều thống nhất trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung tên Huỳnh Văn N, sinh ngày 05/4/2013 và Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 12/11/2014, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau hai con đều sống chung với chị T, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Anh L cũng có nguyện vọng được nuôi con chung tên Huỳnh Văn N, sinh ngày 05/4/2013, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý để con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 12/11/2014 cho chị T nuôi hoặc nếu Tòa án giải quyết để T nuôi cả hai người con thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị T và anh L đều có nguyện vọng được nuôi cháu N nhưng từ khi anh và chị T sống ly thân đến nay cháu N vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ. Do vậy, nghĩ để chị T tiếp tục nuôi hai cháu N và K để không làm xáo trộn việc sinh hoạt cũng như học hành của hai cháu sau khi cha mẹ ly hôn. Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: mặc dù ly hôn nhưng anh chị vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên và người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, và lại anh L cũng đồng ý nếu Tòa

án giao cả hai người con chị T trực tiếp nuôi dưỡng anh đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của anh L nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Huỳnh Văn L thống nhất tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng. Anh Huỳnh Văn L phải nộp án phí cấp dưỡng số tiền là 300.000 đồng.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T.

Chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với anh Huỳnh Văn L.

[2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Mộng T được trực tiếp nuôi hai con chung tên Huỳnh Văn N, sinh ngày 05/4/2013 và Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 12/11/2014, hiện hai con đang sống với chị T, anh Huỳnh Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021 cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng mỗi tháng cấp một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Huỳnh Văn L thống nhất tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003739 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không phải nộp thêm.

Anh Huỳnh Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng.

[5] *Về quyền kháng cáo và thi hành án*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi Cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã N, ĐKKH số 31, quyển số 01, ngày 13/3/2013 (1b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhớ